

Số: /BC-STTTT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, 10 tháng năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 cho các sở, ban, ngành địa phương năm 2022; Văn bản số 1320/UBND-KGVX ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát, báo cáo nội dung tham mưu giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4; Văn bản số 3000/UBND-TTPVHCC ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đôn đốc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Sở Thông tin và Truyền thông (*cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên*) báo cáo tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến nay (10 tháng năm 2022), như sau:

## I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Tình hình triển khai

Triển khai Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về Ban hành Kế hoạch hành động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022 (*mục tiêu năm 2022: tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%*); Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 (*mục tiêu cơ bản đến năm 2025: trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng, trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*); Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 cho các sở,

ban, ngành địa phương năm 2022 (*giao chỉ tiêu năm 2022: tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 4 cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2022 phải đạt từ 55% trở lên*).

Ngày 20/7/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; theo đó, giảm 50% mức thu đối với 06 hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh; góp phần khuyến khích và tạo động lực cho người dân, doanh nghiệp tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao, thúc đẩy tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh thông qua công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử, thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Nguyên, chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ Bru chính công ích.

## **2. Kết quả triển khai**

- Tình hình xử lý hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ ngày 01/01/2022 đến ngày 25/10/2022 đã tiếp nhận **755.851** hồ sơ; đã xử lý **743.011** hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt **99,68%**.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 4 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 25/10/2022 (10 tháng năm 2022) cả tỉnh đạt **70,61%** tăng 22,01% so với thời điểm tháng 4/2022 khi UBND tỉnh chưa ban hành Quyết định 793/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

## **II. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI HẠN CHẾ**

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình triển khai hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 4 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1. Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 4 chưa đồng đều.

2. Người dân, doanh nghiệp chưa mạnh dạn thay đổi thói quen trong giải quyết TTHC trên môi trường số.

3. Do khó khăn về chỉ tiêu biên chế, nên một số ngành, đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Hiện nay, cán bộ được giao nhiệm vụ làm công tác này đa số là kiêm nhiệm, do vậy còn hạn chế về kinh nghiệm trong tham mưu, triển khai, đặc biệt là hạn chế trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

4. Kỹ năng số của người dân chưa cao.

### III. GIẢI PHÁP

Xác định việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục tham mưu triển khai đồng bộ những giải pháp sau:

1. Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cho người dân, để người dân mong muốn, chủ động, tích cực sử dụng DVCTT. Thúc đẩy triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số, trong đó có hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng DVCTT.

2. Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Phối hợp với các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận tối đa hồ sơ phát sinh bằng hình thức trực tuyến 100%.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích khi tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

4. Triển khai hợp nhất Cổng Dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Thái Nguyên thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên để phù hợp với các quy định hiện hành.

5. Tăng cường sử dụng, giải pháp ký số từ xa vào Cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên để tạo điều kiện cho người dân trong việc đăng ký, sử dụng chữ ký số khi tham gia thực hiện các thủ tục hành chính (do Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai).

6. Các cấp chính quyền cần quan tâm, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tích cực hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp khi đến thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 4.

7. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 18/02/2022 và hệ thống các văn bản chỉ đạo, triển khai của UBND tỉnh. Trong đó chú trọng triển khai kết nối, khai

thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giảm giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ngành, địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 10 tháng năm 2022 và những giải pháp đảm bảo việc giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 4 năm 2022 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong tỉnh đạt từ 55% trở lên. Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục Chuyên đổi số quốc gia;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Ngọc Tuất**

**PHỤ LỤC I**  
**THỐNG KÊ TỶ LỆ HỒ SƠ XỬ LÝ TRỰC TUYẾN MỨC 4 (toàn trình)**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN 10 THÁNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày 26/10 /2022 của Sở TT&TT)

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến (1)</b>	<b>Số lượng hồ sơ xử lý trực tiếp (2)</b>	<b>Tổng số hồ sơ xử lý trực tuyến và trực tiếp (1) + (2) = (3)</b>	<b>Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (%) (1) / (3)</b>
1	Sở, ban, ngành	120.850	52.922	173.772	69,55
2	Huyện	27.356	8.770	36.126	75,72
<b>3</b>	<b>Tổng</b>	<b>148.206</b>	<b>61.692</b>	<b>209.898</b>	<b>70,61</b>

**PHỤ LỤC II**  
**THỐNG KÊ TỶ LỆ HỒ SƠ XỬ LÝ TRỰC TUYẾN MỨC 4 (toàn trình)**  
**TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH 10 THÁNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày 26/10 /2022 của Sở TT&TT)

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến (1)	Số lượng hồ sơ xử lý trực tiếp (2)	Tổng số hồ sơ xử lý trực tuyến và trực tiếp (1) + (2) = (3)	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (%) (1) / (3)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120.850</b>	<b>52.922</b>	<b>173.772</b>	<b>70</b>
1	Sở Ngoại vụ	14	0	<b>14</b>	<b>100</b>
2	Sở Tài chính	462	1	<b>463</b>	<b>100</b>
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20.826	49	<b>20.875</b>	<b>100</b>
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.341	1.580	<b>4.921</b>	<b>67,89</b>
5	Sở Khoa học và Công nghệ	206	1	<b>207</b>	<b>100</b>
6	Sở Nội vụ	348	46	<b>394</b>	<b>88,32</b>
7	Sở Công thương	14.821	1.613	<b>16.434</b>	<b>90,18</b>
8	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	645	933	<b>1.578</b>	<b>40,87</b>
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	55	0	<b>55</b>	<b>100</b>
10	Sở Văn hóa thể thao du lịch	215	21	<b>236</b>	<b>91</b>
11	Sở Thông tin và Truyền thông	92	23	<b>115</b>	<b>80</b>
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	41.165	22.361	<b>63.526</b>	<b>64,80</b>
13	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	506	310	<b>816</b>	<b>62</b>
14	Sở Tư pháp	4.247	7.527	<b>11.774</b>	<b>36,07</b>
15	Sở Xây dựng	1.132	542	<b>1.674</b>	<b>67.62</b>
16	Sở Y tế	523	420	<b>943</b>	<b>55</b>
17	Sở Giao thông vận tải	32.252	17.495	<b>49.747</b>	<b>64,83</b>

**PHỤ LỤC III**  
**THỐNG KÊ TỶ LỆ HỒ SƠ XỬ LÝ TRỰC TUYẾN MỨC 4 (toàn trình)**  
**TẠI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ 10 THÁNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày 26/10 /2022 của Sở TT&TT)

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến (1)	Số lượng hồ sơ xử lý trực tiếp (2)	Tổng số hồ sơ xử lý trực tuyến và trực tiếp (1) + (2) = (3)	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (%) (1) / (3)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.356</b>	<b>8.770</b>	<b>36.126</b>	<b>75,72</b>
1	UBND TP Thái Nguyên	1.399	0	<b>1.399</b>	<b>100</b>
2	UBND TP Sông Công	2.585	1.427	<b>4.012</b>	<b>64,43</b>
3	UBND TP Phổ Yên	14.564	2.794	<b>17.358</b>	<b>83,90</b>
4	UBND huyện Võ Nhai	1.046	178	<b>1.224</b>	<b>85,46</b>
5	UBND huyện Đại Từ	3.829	772	<b>4.601</b>	<b>83,22</b>
6	UBND huyện Phú Lương	1.220	1.604	<b>2.824</b>	<b>43,20</b>
7	UBND huyện Định Hóa	773	157	<b>930</b>	<b>83</b>
8	UBND huyện Đồng Hỷ	937	1.194	<b>2.131</b>	<b>43,97</b>
9	UBND huyện Phú Bình	1.003	644	<b>1.647</b>	<b>60,90</b>